



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

ja

tôi

ty

bạn

on

anh ấy

ona

cô ấy

ono

nó

my

chúng tôi / chúng ta

vy

các bạn

oni / ony

họ

čo

cái gì

kto

ai

kde

ở đâu

prečo

tại sao

ako

làm sao

ktorý

cái nào

kedy

lúc nào

potom

sau đó

ak

nếu

naozaj

thật sự

ale

nhưng

pretože

bởi vì

nie

không

toto

này

to

đó

všetko

tất cả

alebo

hoặc

a

và

tu

đây

tam

đó

vľavo

trái

vpravo

phải

teraz

bây giờ

popoludnie

buổi chiều

dopoludnia

buổi sáng

noc

ban đêm

ráno

buổi sáng

večer

buổi tối

poludnie

polnoc

hodina
čas

buổi trưa

nửa đêm

giờ

minúta

sekunda

deň

phút

giây

ngày

týždeň

mesiac

rok

tuần

tháng

năm

včera

dnes

zajtra

hôm qua

hôm nay

ngày mai

pondelok

utorok

streda

thứ hai

thứ ba

thứ tư

štvrtok

piatok

sobota

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

nedeľa

žena

muž

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

láska

priateľ

priateľka

tình yêu

bạn trai

bạn gái

kamarát

bạn

bozk

hôn

sex

tình dục

dieťa

trẻ em

dievča

con gái

chlapec

con trai

mama

mẹ

tato

ba

matka

má

otec

cha

rodičia

cha mẹ

syn

con trai

dcéra

con gái

mladšia sestra

em gái

mladší brat

em trai

staršia sestra

chị gái

starší brat

anh trai

manžel

chồng

manželka

vợ

každý

mỗi / mọi

vždy

luôn luôn

vlastne

thực ra

znova

lần nữa

už

đã

menej

ít hơn

najviac

phần lớn

viac

nhiều hơn

nikto

không có

veľmi

rất

vonku

ở ngoài

vnútri

ở trong

ďaleko

xa

blízko

gần

pod

bên dưới

nad

bên trên

vedľa

bên cạnh

vpredu

phía trước

vzadu

phía sau

všetci

mọi người

spolu

cùng nhau

iný

khác

jar

mùa xuân

leto

mùa hè

jeseň

mùa thu

zima

mùa đông

január

tháng một

február

tháng hai

marec

tháng ba

april

tháng tư

máj

tháng năm

jún

tháng sáu

júl

tháng bảy

august

tháng tám

september

tháng chín

október

tháng mười

november

tháng mười một

december

tháng mười hai

sever

bắc

východ

đông

juh

nam

západ

tây

často

thường xuyên

okamžite

ngay lập tức

odrazu

đột ngột

hoci

mặc dù

Số

nula

0

jeden

1

dva

2

tri

3

štyri

4

päť

5

šesť

6

sedem

7

osem

8

deväť

9

desať

10

jedenásť

11

dvanášt

12

trinášt

13

štrnášt

14

pätnášt

15

šestnášt

16

sedemnášt

17

osemnášt

18

devätnášt

19

dvadsať

20

dvadsaťjeden

21

dvadsaťdva

22

dvadsaťšest

26

tridsať

30

tridsaťjeden

31

tridsaťtri

33

tridsaťsedem

37

štyridsať

40

štyridsaťjeden

41

štyridsaťštyri

44

štyridsaťosem

48

päťdesiat

50

päťdesiatjeden

51

päťdesiatpäť

55

päťdesiatdeväť

59

šesťdesiat

60

šesťdesiatjeden

61

šesťdesiatdva

62

šesťdesiatšesť

66

sedemdesiat

70

sedemdesiatjeden

71

sedemdesiattri

73

sedemdesiatsedem

77

osemdesiat

80

osemdesiatjeden

81

osemdesiatštyri

84

osemdesiatosem

88

deväťdesiat

90

deväťdesiatjeden

91

deväťdesiatpäť

95

deväťdesiatdeväť

99

sto

100

stojeden

101

stopäť

105

stodesať

110

stopäťdesiatjeden

151

dvesto

200

dvestodva

202

dvestošesť

206

dvestodvadsať

220

dvestošesťdesiatdva

262

tristo

300

tristotri

303

tristosedom

307

tristotridsať

330

tristosedomdesiattri

373

štyristo

400

štyristoštyri

404

štyristoosem

408

štyristoštyridsať

440

štyristoosemdesiatštyri

484

päťsto

500

päťstopäť

505

päťstodeväť

509

päťstopäťdesiat

550

päťstodeväťdesiatpäť

595

šesťsto

600

šesťstojedna

601

šesťstošesť

606

šesťstošestnásť

616

šesťstošesťdesiat

660

sedemsto

700

sedemstodva

702

sedemstosedem

707

sedemstodvadsaťsedem

727

sedemstosedemdesiat

770

osemsto

800

osemstotri

803

osemstoosem

808

osemstotridsaťosem

838

osemstoosemdesiat

880

deväťsto

900

deväťstoštyri

904

deväťstodeväťdesiat

909

deväťstoštyridsaťdeväť

949

deväťstodeväťdesiat

990

tisíc

1000

tisícjeden

1001

tisícdvanásť

1012

tisícvestotridsaťštyri

1234

dvetisíc

2000

dvetisíc dva

2002

dvetisíc dvadsaťtri

2023

dvetisíc tristoštyridsaťpäť

2345

tritisíc

3000

tritisíc tri

3003

štyritisíc

4000

štyritisícštyridsaťpäť

4045

päťtisíc

5000

päťtisícšesťstosedemdesiatosem

5678

šesťtisíc

6000

sedemtisíc

7000

sedemtisícosemstodeväťdesiat

7890

osemtisíc

8000

osemtisícdeväťstojeden

8901

deväťtisíc

9000

deväťtisícdeväťdesiat

9090

desaťtisíc

10.000

desaťtisícjeden

10.001

dvadsaťtisícdvadsať

20.020

tridsaťtisíctristo

30.300

štyridsaťštyritisíc

44.000

stotisíc

100.000

päťstotisíc

500.000

milión

1.000.000

šesť miliónov

6.000.000

desať miliónov

10.000.000

sedemdesiat miliónov

70.000.000

sto miliónov

100.000.000

osemsto miliónov

800.000.000

miliarda

1.000.000.000

deväť miliárd

9.000.000.000

desať miliárd

10.000.000.000

dvadsať miliárd

20.000.000.000

sto miliárd

100.000.000.000

tristo miliárd

300.000.000.000

bilión

1.000.000.000.000

Động từ

vedieť

biết

myslieť

nghĩ

prísť

đến

položiť

đặt

vziať

lấy

nájsť

tìm

počúvať

nghe

pracovať

làm việc

rozprávať

nói chuyện

dať

cho

mať rád

thích

pomôcť

giúp đỡ

milovať

yêu

volať

gọi

čakať

chờ đợi

stáť

đứng

sediť

ngồi

zatvoriť

đóng

otvoriť
dvere

mở

prehrať

thua

vyhrať

thắng

zomrieť

chết

žiť

sống

zapnúť

bật

vypnúť

tắt

zabiť

giết

zraniť

làm bị thương

dotknúť sa

chạm

sledovať

xem

piť

uống

jesť

ăn

chodiť

đi bộ

stretnúť

gặp

staviť

đặt cược

pobozkať

hôn

nasledovať

đi theo

oženit sa

cưới

odpovedať

trả lời

opýtať sa

hỏi

ťahat'

kéo

potlačiť

đẩy

stlačiť

ấn

udrieť

đánh

chytiť

bắt

bojovať

chiến đấu

hádzať

ném

bežať

chạy

čítať

đọc

písať

viết

opraviť

sửa chữa

počítať
1, 2, 3

đếm

strihať

cắt

predať

bán

kúpiť

mua

zaplatiť

trả

študovať

học

snívať

mơ

spať

ngủ

hrať

chơi

sláviť

ăn mừng

užívať si

thưởng thức

upratať

dọn dẹp

strieľať

bắn

brániť

bảo vệ

zaútočiť

tấn công

kradnúť

trộm

horieť

đốt

zachrániť

cứu

letieť

bay

plávať

khắc nhỏ

kopnúť

đá

uhryznúť

cắn

dýchať

thở

cítiť

ngửi

plakať

khóc

spievať

hát

usmievať sa

cười mỉm

smiať sa

cười

rásť

lớn lên

scvrknúť sa

co lại

hádať sa

tranh luận

zdieľať

chia sẻ

kŕmiť

cho ăn

skryť

trốn

varovať

cảnh báo

plávať

bơi

skákať

nhảy

zdvihnúť

nâng

kopať

đào

doručiť

giao hàng

hľadať

tìm kiếm

precvičovať

luyện tập

cestovať

đi du lịch

maľovať

vẽ

otvoriť
zámka

mở

zamknúť

khóa

umyt

rửa

modlit sa

cầu nguyện

variť
všeobecný

nấu ăn

vracať

nôn

kričať

la hét

citovať

trích dẫn

tlačiť

in

počítať
1+2

tính toán

zarábať

kiếm tiền

Tính từ

nový

mới

starý
všeobecný

cũ

málo

ít

veľa

nhiều

nesprávny

sai

správny

chính xác

zlý
všeobecný

xấu

dobrý

tốt

šťastný

hạnh phúc

krátky

ngắn

dlhý

dài

malý
všeobecný

nhỏ

veľký

lớn

krásny

xinh đẹp

mladý

trẻ

starý
človek

già

biely

màu trắng

čierny

màu đen

červený

màu đỏ

modrý

màu xanh da trời

zelený

màu xanh lá cây

žltý

màu vàng

pomalý

chậm

rychlý

nhanh

smiešny

vui vẻ

nespravodlivý

không công bằng

spravodlivý

công bằng

náročný

khó

jednoduchý

dễ

bohatý

giàu

chudobný

nghèo

silný

khỏe

slabý

yếu

bezpečný

an toàn

unavený

mệt mỏi

hrdý

tự hào

sýty

no bụng

chorý

bệnh

zdravý

khỏe mạnh

nahnevaný

tức giận

nízky

thấp

vysoký
všeobecný

cao

sladký

ngọt

kyslý

chua

mäkký

mềm

tvrdý

cứng

roztomilý

đáng yêu

hlúpy
inteligencia

ngu ngốc

šialený

điên khùng

zaneprázdněný

bận rộn

vysoký
človek

cao

malý
človek

thấp

ustarostený

lo lắng

prekvapěný

ngạc nhiên

dobře vychovaný

cư xử tốt

zlý
človek

ác độc

múdry

khéo léo

chladný
počasie

lạnh

horúci

nóng

oranžový

màu cam

šedý

màu xám

hnedý

màu nâu

ružový

màu hồng

nudný

nhàm chán

ťažký

nặng

ľahký

nhẹ

osamelý

cô đơn

hladný

đói bụng

smädný

khát nước

smutný

buồn

strmý

dốc

plochý

bằng phẳng

úzký

hẹp

široký

rộng

hlboký

sâu

plytký

nông

obrovský

lớn

špinavý

bẩn

čistý

sạch sẽ

plný

đầy

prázdný

trống rỗng

drahý

đắt

lacný

rẻ

sexy

quyến rũ

lenivý

lười biếng

statočný

đứng cảm

štedrý

hào phóng

mokrý

ướt

suchý

khô

hlasný

ồn ào

pokojný

yên tĩnh

snečný

nắng

daždivý

nhiều mưa

hmlistý

sương mù

oblačný

nhiều mây

Thể thao

gymnastika

thể dục dụng cụ

tenis

quần vợt

beh

chạy

cyklistika

đạp xe

golf

đánh golf

futbal

bóng đá

basketbal

bóng rổ

plávanie

bơi lội

potápanie

lặn

turistika

đi bộ đường dài

maratón

chạy marathon

triatlon

ba môn phối hợp

stolný tenis

bóng bàn

vzpieranie

cử tạ

box

quyền anh

bedminton

cầu lông

krasokorčuľovanie

trượt băng nghệ thuật

snoubording

trượt ván tuyết

lyžovanie

trượt tuyết

bežecké lyžovanie

trượt tuyết băng đồng

ľadový hokej

khúc côn cầu trên băng

volejbal

bóng chuyền

hádzaná

bóng ném

plážový volejbal

bóng chuyền bãi biển

ragby

bóng rugby

kriket

bóng gậy

bejzbal

bóng chày

americký fotbal

bóng bầu dục Mỹ

vodné pólo

bóng nước

skoky do vody

nhảy cầu

surfovanie

lướt sóng

plachtenie

đua thuyền buồm

veslovanie

chèo thuyền

jóga

yoga

tanec

khiêu vũ

parašutizmus

nhảy dù

šach

poker

kolky

cờ vua

đánh bài poker

bowling

balet

múa ba lê

Động vật

prasa

con lợn

krava

con bò

kôň

con ngựa

pes

con chó

ovca

con cừu

opica

con khỉ

mačka

con mèo

medved'

con gấu

kura

con gà

kačica

con vịt

motýl'

con bướm

včela

con ong

ryba
zvíra

con cá

pavúk

con nhện

had

con rắn

tiger

con hổ

myš
zvíra

con chuột

zajac

con thỏ

lev

con sư tử

somár

con lừa

slon

con voi

holub

con chim bồ câu

chrobák

con bọ

komár

con muỗi

mucha

con ruồi

mravec

con kiến

veřryba

con cá voi

žralok

con cá mập

delfín

con cá heo

slimák

con ốc sên

žaba

con ếch

panda

con gấu trúc

řadový medved'

con gấu Bắc cực

vlk

con chó sói

koala

con gấu túi

klokan

con chuột túi

žirafa

con hươu cao cổ

líška

con cáo

hroch

con hà mã

netopier

con dơi

havran

con quạ

labuť

con thiên nga

čajka

con chim hải âu

sova

con cú

tučniak

con chim cánh cụt

papagáj

con vẹt

húsenica

con sâu bướm

vážka

con chuồn chuồn

kalmár

con mực ống

chobotnica

con bạch tuộc

morský koník

con cá ngựa

tuleň

con hải cẩu

medúza

con sứa

krab

con cua

dinosaurus

con khủng long

korytnačka
všeobecný

con rùa cạn

krokodíl

con cá sấu

Quốc gia

Európa

Châu Âu

Ázia

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

Afrika

Châu Phi

Spojené kráľovstvo

Vương quốc Anh

Španielsko

Tây Ban Nha

Švajčiarsko

Thụy sĩ

Taliansko

Ý

Francúzsko

Pháp

Nemecko

Đức

Thajsko

Thái Lan

Singapur

Singapore

Rusko

Japonsko

Izrael

Nga

Nhật Bản

Israel

India

Čína

Spojené štáty americké

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexiko

Kanada

Čile

Mexico

Canada

Chile

Brazília

Argentína

Južná Afrika

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigéria

Nigeria

Maroko

Ma Rốc

Líbya

Libya

Keňa

Kenya

Alžírsko

Algeria

Egypt

Ai Cập

Nový Zéland

New Zealand

Austrália

Úc

Cơ thể

hlava

đầu

nos

mũi

vlas

tóc

ústa

miệng

ucho

tai

oko

mắt

ruka

bàn tay

noha
topánka

bàn chân

srdce

tim

mozog

não

krk

cổ

zadok

mông

rameno

vai

koleno

đầu gối

noha
všeobecný

chân

paža

tay

brucho

bụng

prsník

ngực

chrbát

lưng

zub

răng

jazyk

lưỡi

pera

môi

prst

ngón tay

prst na nohe

ngón chân

žalúdok

dạ dày

pľúca

phổi

pečeň

gan

nerv

dây thần kinh

oblička

thận

črevo

ruột

čelo

trán

brada

cằm

líce

má

fúzy

râu

palec

ngón cái

malíček

ngón tay út

prstenník

ngón tay đeo nhẫn

prostředník

ngón tay giữa

ukazovák

ngón tay trỏ

necht

móng tay

päta

gót chân

chrbtica

xương sống

sval

cơ bắp

košť
telo

xương

kostra

bộ xương

rebro

xương sườn

stavec

đốt sống

močový mechúr

bàng quang

žila

tĩnh mạch

tepna

động mạch

vagína

âm đạo

spermia

tinh trùng

penis

dương vật

semenník

tinh hoàn

Ngôi nhà

dvere

cửa

kuchyňa

nhà bếp

kúpeľňa

phòng tắm

obývačka

phòng khách

spálňa

phòng ngủ

záhrada

vườn

garáž

gara

stena

tường

suterén

tầng hầm

toaleta
domov

nhà vệ sinh

schody

cầu thang

strecha

mái nhà

okno
budova

cửa sổ

nôž

dao

hrnček

tách

pohár
nápoj

ly

tanier

đĩa

šálka

cốc

odpadkový kôš

thùng rác

miska

tô

pracovný stôl

bàn

postel'

giường

zrkadlo

gương

sprcha

vòi hoa sen

pohovka

ghế sofa

obraz

ảnh

hodiny

đồng hồ

stôl

bàn

stolička

ghế

sused

hàng xóm

výtah

thang máy

balkón

ban công

podkrovie

gác xép

komín

ống khói

varecha

muỗng gỗ

palička

đũa

príbor

bộ dao nĩa

lyžica

muỗng

vidlička

nĩa

naberačka

cái vá

hrniec

nồi

panvica

chảo

žiarovka

bóng đèn

knižnica
domov

giá sách

záclona

rèm

matrac

nệm

vankúš

gối

deka

chăn

polica

kệ

šuplík

ngăn kéo

šatník

tủ quần áo

vedro

xô

metla

chổi

váha

cái cân

kôš na bielizeň

giỏ đựng đồ giặt

vaňa

bồn tắm

osuška

khăn tắm

mydlo

xà phòng

toaletný papier

giấy vệ sinh

uterák

khăn tắm

umývadlo

bồn rửa mặt

rebrík

cái thang

poštová schránka

hộp thư

plot

hàng rào

Thức ăn

vajíčko

trứng

syr

phô mai

mlieko

sữa

ryba
jedlo

cá

mäso

thịt

kosť
jedlo

xương

olej

dầu

chlieb

bánh mì

cukor

đường

čokoláda

sô cô la

sladkosť

kẹo

koláč

bánh bông lan

voda

nước

káva

cà phê

čaj

trà

pivo

bia

víno

rượu nho

šalát

sa lát

polievka

súp

dezert

món tráng miệng

raňajky

bữa ăn sáng

obed

bữa trưa

večera

bữa tối

pizza

pizza

zmrzlina

kem

maslo

bơ

jogurt

sữa chua

tuniak

cá ngừ

losos

cá hồi

šunka

giăm bông

slanina

thịt ba rọi

klobása

xúc xích

morčacie

thịt gà tây

kuracie

thịt gà

hovädzie

thịt bò

bravčové

thịt heo

jahňacie

thịt cừu

tekvica

bí ngô

huba

nấm

hl'uzovka

nấm cụt

cesnak

tỏi

pór

tỏi tây

zázvor

gừng

baklažán

cà tím

sladký zemiak

khoai lang

mrkva

cà rốt

uhorka

dưa chuột

čili paprička

ớt

paprika

ớt chuông

cibuľa

củ hành

zemiak

khoai tây

karfiol

bông cải trắng

kapusta

bắp cải

brokolica

bông cải xanh

hlávkový šalát

xà lách

špenát

rau chân vịt

bambus
jedlo

tre

kukurica

ngô

zeler

cần tây

hrášok

đậu Hà Lan

fazuľa

hạt đậu

hruška

quả lê

jablko

quả táo

oliva

quả ô liu

figa

quả sung

datľa

quả chà là

kokos

quả dừa

mandľa

quả hạnh nhân

lieskový oriešok

hạt phỉ

arašid

đậu phộng

banán

quả chuối

mango

quả xoài

kivi

quả kiwi

avokádo

quả bơ

ananás

quả dứa

dyňa

dưa hấu

hrozno

quả nho

žltý melón

dưa gang

malina

quả mâm xôi

čučoriedka

quả việt quất

jahoda

quả dâu tây

čerešňa

quả anh đào

slivka

quả mận

marhuľa

quả mơ

broskyňa

quả đào

citrón

quả chanh

grep

quả bưởi

pomaranč

quả cam

paradajka

cà chua

mäta

bạc hà

citrónová tráva

sả

škorica

quế

vanilka

vani

soľ

muối

čierne koren timer

tiêu

kari

cà ri

tabak

thuốc lá

tofu

đậu hũ

ocot

giấm

rezanec

mì sợi

sójóvé mlieko

sữa đậu nành

múka

bột mì

ryža

gạo

ovos

yến mạch

pšenica

lúa mì

sója

đậu nành

orech

hạt

med

mật ong

džem

mút

žuvačka

kẹo cao su

lievanec

bánh kẹp

sušienka

bánh quy

puding

bánh pudding

mafin

bánh muffin

šiška

bánh rán vòng

energetický nápoj

nước tăng lực

pomarančový džús

nước cam

jablkový džús

nước táo

mliečny koktail

sữa lắc

kola

coca cola

horúca čokoláda

sô cô la nóng

koktail

rượu cocktail

rum

rượu rum

whisky

rượu whisky

vodka

rượu vodka

jedálny lístok

thực đơn

morské plody

hải sản

špagety

mì Ý

suši

sushi

pukance

bắp rang bơ

čipsy

khoai tây lát mỏng

kuracie krídelká

cánh gà

hranolky

khoai tây chiên

horčica

mù tạt

majonéza

sốt mayonnaise

paradajková omáčka

nước sốt cà chua

sendvič

bánh mì kẹp

párok v rožku

bánh mì kẹp xúc xích

burger

bánh burger

Trường học

kniha

sách

knižnica
budova

thư viện

domáca úloha

bài tập về nhà

skúška

bài thi

hodina
škola

bài học

veda

khoa học

dejepis

lịch sử

umenie

nghệ thuật

pero

cây bút

ceruzka

bút chì

prvý

thứ nhất

druhý

thứ hai

tretí

thứ ba

štvrtý

thứ tư

výskum

nghiên cứu

stupeň

bằng cấp

športové ihrisko

sân thể thao

slovník

từ điển

semester

học kì

zošit

sổ tay

geometria

hình học

politika

chính trị học

filozofia

triết học

ekonomika

kinh tế học

telesná výchova

giáo dục thể chất

biológia

sinh học

matematika

toán học

zemepis

địa lý

literatúra

văn học

chémia

hóa học

fyzika

vật lý

pravítko

cái thước

guma

cục tẩy

nožnice

cái kéo

lepiaca páska

băng dính

lepidlo

keo dán

guľôčkové pero

bút bi

kancelárske sponky

kẹp giấy

tri percentá

3%

sto percent

100%

nula percent

0%

meter kubický

mét khối

meter štvorcový

mét vuông

míľa

dặm

meter

mét

milimeter

mi-li-mét

centimeter

xen-ti-mét

decimeter

đề-xi-mét

sčítanie

phép cộng

odčítanie

phép trừ

násobenie

phép nhân

delenie

phép chia

plocha

diện tích

objem

thể tích

obdĺžnik

hình chữ nhật

štvorec

hình vuông

trojuholník

tam giác

kruh

hình tròn

liter

lít

mililiter

mililít

tona

kilogram

gram

tấn

kilôgam

gram

magnet

mikroskop

lievik

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratórium

prednáška

phòng thí nghiệm

bài giảng

Thiên nhiên

popol

tro

ohěň
všeobecný

lửa

diamant

kim cương

Mesiác

mặt trăng

Slnko

mặt trời

hviezda

ngôi sao

planéta

hành tinh

pobrežie

bờ biển

jazero

hồ

les

rừng

púšť

sa mạc

kopec

đồi núi

skala

đá

rieka

con sông

údolie

thung lũng

hora

núi

ostrov

đảo

oceán

đại dương

more

biển

l'ad

băng

sneh

tuyết

búrka
všeobecný

bão táp

dážď

mưa

vietor

gió

strom

cây

tráva

cỏ

ruža

hoa hồng

kvetina

hoa

kov

kim loại

pôda

đất

láva

dung nham

uhlie

than

piesok

cát

hlina

đất sét

raketa

tên lửa

satelit

vệ tinh

galaxia

thiên hà

asteroid

tiểu hành tinh

kontinent

lục địa

rovník

đường Xích đạo

južný pól

Nam cực

severný pól

Bắc cực

potok

suối

dažďový prales

rừng nhiệt đới

jaskyňa

hang

vodopád

thác nước

breh

bờ biển

l'adovec

sông băng

zemetrasenie

động đất

kráter

miệng núi lửa

sopka

núi lửa

atmosféra

khí quyển

povodeň

lũ lụt

hmla

sương mù

dúha

cầu vồng

hrom

tiếng sấm

blesk

tia chớp

búrka
hrmenie

cơn dông

teplota

nhiệt độ

tajfún

bão nhiệt đới

hurikán

bão

mrak

mây

vetva

cành cây

list
rastlina

lá cây

koreň

rễ cây

kmeň

thân cây

semienko

hạt giống

plast

nhựa

oxid uhličítý

carbon điôxít

atóm

nguyên tử

železo

sắt

kyslík

ôxy

zlato

striebro

vàng

bạc

Giao thông

auto

xe hơi

autobus

xe buýt

vlak

xe lửa

vlaková stanica

ga xe lửa

autobusová zastávka

trạm dừng xe buýt

lietadlo

máy bay

loď

tàu

nákladné auto

xe tải

bicykel

xe đạp

motocykel

xe mô tô

taxík

xe taxi

semafor

đèn giao thông

parkovisko

bãi đậu xe

cesta

đường

batéria

ắc quy

motor

auto

động cơ

airbag

túi khí

volant

vô-lăng

bezpečnostný pás

dây an toàn

pneumatika

lốp xe

zadný kufor

cốp sau

automat na lístky

máy bán vé

pokladňa

vlaková stanica

phòng bán vé

metro

tàu điện ngầm

vysokorýchlostný vlak

tàu cao tốc

lokomotíva

đầu máy

električka

xe điện

školský autobus

xe buýt trường học

mikrobus

xe buýt nhỏ

letisko

sân bay

aerolína

hãng hàng không

helikoptéra

máy bay trực thăng

prvá trieda

hạng nhất

ekonomická trieda

hạng phổ thông

biznis trieda

hạng thương gia

záchranná vesta

áo phao

kontajner

công ten nơ

ponorka

tàu ngầm

výletná loď

tàu du lịch

kontajnerová loď

tàu chở hàng

jachta

du thuyền

trajekt

phà

prístav

hải cảng

záchranný čln

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

pouličné osvetlenie

đèn đường

chodník

vĩa hè

čerpacia stanica

trạm xăng

stavenisko

công trường

prechod pre chodcov

vạch qua đường

dopravná zápcha

tắc đường

diaľnica

đường cao tốc

tank

xe tăng

bager

máy xúc

traktor

máy kéo

príves

rơ-moóc

skúter

xe tay ga

lanovka

xe cáp treo

Thành phố

nemocnica

bệnh viện

škola

trường học

dom

nhà ở

účet

hóa đơn

trh

chợ

supermarket

siêu thị

byt

căn hộ

univerzita

trường đại học

farma

nông trại

kostol

nhà thờ

reštaurácia

nhà hàng

bar

quán bar

telocvičňa

phòng thể dục

park

công viên

toaleta
všeobecný

nhà vệ sinh

mapa

bản đồ

sanitka

xe cứu thương

polícia

cảnh sát

požiarnik

lính cứu hỏa

krajina

quốc gia

predmestie

ngoại ô

dedina

ngôi làng

záruka

bảo hành

obchodný dom

trung tâm mua sắm

lekáreň

tiệm thuốc

mrakodrap

tòa nhà chọc trời

hrad

lâu đài

ambasáda

đại sứ quán

synagóga

giáo đường Do Thái

chrám

ngôi đền

továreň

nhà máy

mešita

nhà thờ Hồi giáo

radnica

tòa thị chính

pošta

bưu điện

fontána

đài phun nước

nočný klub

câu lạc bộ đêm

lavička

golfové ihrisko

futbalový štadión

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

plaváreň

tenisový kurt

informačné centrum

hồ bơi

sân quần vợt

thông tin du lịch

kasíno

galéria

múzeum

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

národný park

suvenir

akvárium

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

tobogan

trượt nước

horská dráha

tàu lượn siêu tốc

akvapark

công viên nước

zoo

vườn bách thú

ihrisko

sân chơi

núdzový východ

cửa thoát hiểm

požiarny hlásič

chuông báo cháy

hasiaci prístroj

bình cứu hỏa

policajná stanica

đồn cảnh sát

štát

tiểu bang

región

khu vực

hlavné mesto

thủ đô

Bệnh viện

nehoda

tai nạn

pacient

bệnh nhân

chirurgia

phẫu thuật

pilulka

viên thuốc

horúčka

sốt

kašeľ

ho

pohotovosť

phòng cấp cứu

jednotka intenzívnej
starostlivosti

khoa hồi sức tích cực

čakáreň

phòng chờ

aspirín

thuốc aspirin

prášky na spanie

thuốc ngủ

dátum spotreby

ngày hết hạn

dávkovanie

liều lượng

sirup proti kašľu

si-rô ho

vedľajší účinok

tác dụng phụ

inzulín

insulin

prášok

bột

kapsula

viên nhộng

vitamín

vitamin

liek proti bolesti

thuốc giảm đau

antibiotiká

kháng sinh

baktéria

vi khuẩn

vírus

vi rút

infarkt

đau tim

hnačka

tiêu chảy

cukrovka

tiểu đường

mřtvice

đột quỵ

astma

hen suyễn

rakovina

ung thư

chřípka

cúm

bolest zubov

đau răng

úpal

cháy nắng

bolest hrdla

viêm họng

bolest brucha

đau bụng

infekcia

nhiễm trùng

alergia

dị ứng

křč

chuột rút

bolešť hlavy

đau đầu

striečka

ống tiêm

barla

nặng

röntgen

chụp X quang

ultrazvuk

máy siêu âm

náplast

bó bột

invalidný vozík

xe lăn

sadra

bó bột

pulz

mạch

zranenie

chấn thương

núdzový prípad

cấp cứu

otras mozgu

chấn động

popálenina

vết bỏng

zlomenina

gãy xương

antikonцепcia

thuốc tránh thai

tehotenský test

thử thai

Nghề nghiệp

doktor

zdravotná sestra

policajt

bác sĩ

y tá

cảnh sát

prezident

kapitán

detektív

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

pilot

profesor

učiteľ

phi công

giáo sư

giáo viên

právník

sekretárka

asistent

luật sư

thư ký

trợ lý

sudca

thẩm phán

manažér

quản lý

kuchár

đầu bếp

taxikár

tài xế taxi

autobusár

tài xế xe buýt

modelka

người mẫu

umelec

nghệ sĩ

premiér

thủ tướng

lekárnik

dược sĩ

hasič

lính cứu hỏa

zubár

nha sĩ

podnikatel'

doanh nhân

politík

chính trị gia

programátor

lập trình viên

letuška

tiếp viên hàng không

vedec

nhà khoa học

učiteľka v škôlke

giáo viên mầm non

architekt

kiến trúc sư

účtovník

kế toán viên

konzultant

tư vấn viên

prokurátor

công tố viên

generálny riaditeľ

tổng quản lý

bodygard

vệ sĩ

hostinský

chủ nhà

čaišník

bồi bàn

ochranka

nhân viên bảo vệ

vojak

bộ đội

rybár

ngư dân

upratovač

nhân viên vệ sinh

inštalatér

thợ sửa ống nước

elektrikár

thợ điện

poľnohospodár

nông dân

recepčný

lễ tân

poštár

người đưa thư

pokladník

thu ngân

kaderník

thợ làm tóc

autor

tác giả

novinár

nhà báo

fotograf

nhiếp ảnh gia

plavčík

nhân viên cứu hộ

spevák

ca sĩ

hudobník

nhạc sĩ

herec

diễn viên

reportér

phóng viên

tréner

huấn luyện viên

rozhodca

trọng tài

Kinh doanh

peniaze

tiền

kancelária

văn phòng

stres

áp lực

poistenie

bảo hiểm

personál

nhân viên

oddelenie

bộ phận

plat

lương

adresa

địa chỉ

list
pošta

lá thư

telefónne číslo

số điện thoại

url

url

emailová adresa

địa chỉ email

webová stránka

email

podpis

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

strata

zisk

zákazník

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

časťka

kreditná karta

heslo

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

bankomat

daň

zasadacia miestnosť

máy rút tiền

thuế

phòng họp

vizitka

danh thiếp

IT

công nghệ thông tin

ľudské zdroje

nhân sự

právne oddelenie

bộ phận pháp lý

účtovníctvo

kế toán

marketing

tiếp thị

predaj

bán hàng

kolega

đồng nghiệp

zamestnávateľ

người sử dụng lao động

zamestnanec

nhân viên

poznámka

chú thích

prezentácia

thuyết trình

fascikel

bìa cứng

pečiatka

con dấu cao su

projektor

máy chiếu

balíček
pošta

bưu kiện

známka

con tem

obálka

phong bì

prehliadač

trình duyệt

investícia

đầu tư

burza cenných papierov

sàn giao dịch chứng khoán

bankovka

tiền giấy

minca

tiền xu

úrok

tiền lãi

pôžička

khoản vay

číslo účtu

số tài khoản

bankový účet

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

telefón

điện thoại

televízor

bộ tivi

fotoaparát

máy ảnh

rádio

đài radio

ventilátor

quạt

klimatizácia

máy điều hòa

kávovar

máy pha cà phê

hriankovač

máy nướng bánh mì

vysávač

máy hút bụi

fén

máy sấy tóc

kanvica

ấm đun nước

umývačka riadu

máy rửa chén

sporák

bếp điện

rúra

lò nướng

mikrovlnka

lò vi sóng

chladnička

tủ lạnh

práčka

máy giặt

ovládač

điều khiển từ xa

slúchadlo

tai nghe

myš
laptop

chuột

klávesnica

bàn phím

pevný disk

ổ cứng

USB kľúč

thanh USB

skener

máy quét

tlačiareň

máy in

obrazovka

màn hình

laptop

máy tính xách tay

robot

rô bốt

reproduktor

loa

